



wěi zǐ

苇子

noun · reed (colloquial)

Example Sentences

hé biān de wěi zǐ zhǎng de hěn gāo
河边的苇子长得很高。

The reeds by the river grow very tall.

tā yòng wěi zǐ biān le yí gè xiǎo lán zi
他用苇子编了一个小篮子。

He wove a small basket out of reeds.

fēng yī chuī wěi zǐ jiù shā shā de xiǎng
风一吹，苇子就沙沙地响。

When the wind blows, the reeds rustle.

Trace each character, then write the word on your own.

苇	苇	苇	苇	苇	苇	苇	苇	苇	苇		
子	子	子	子	子	子						